

CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY KH&CN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA GẠO BỀN VỮNG Ở ĐBSCL

TS HỒ NGỌC LUẬT

Vụ Phát triển KH&CN Địa phương

Tác giả bài viết cho rằng, sản xuất lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã góp phần quan trọng đưa nước ta trở thành một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về xuất khẩu lúa gạo; giúp xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho các hộ nông dân trên địa bàn... Song nhìn chung, thu nhập của người nông dân từ sản phẩm lúa gạo hiện còn thấp, khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa phải là hạt nhân đóng góp cho phát triển sản xuất bền vững. Trong thời gian tới, ĐBSCL cần có những chính sách đồng bộ, hiệu quả hơn nữa, đặc biệt là chính sách về KH&CN, mới có thể hoàn thành mục tiêu xây dựng một nền sản xuất lúa gạo tập trung (mô hình “cánh đồng lớn”) mang lại giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản xuất toàn cầu.

Vài nét về sản xuất lúa gạo tại ĐBSCL trong bức tranh chung cả nước

Trong giai đoạn 2006-2008, năng suất lao động (tính bằng số USD mỗi lao động thu nhập mỗi năm) của Việt Nam đạt 849, thấp hơn so với Trung Quốc (1.596), Indonesia (1.779), Philippin (2.011), Thái Lan (2.152) (WB, 2008). Xét về giá trị gia tăng trên mỗi lao động mỗi năm (tính bằng USD), trong giai đoạn này, chúng ta chỉ đạt bình quân là 343, thấp hơn các quốc gia thuộc châu Á như: Campuchia (377), Bangladesh (403), Trung Quốc (481), Thái Lan (681) [1]. Về năng suất lúa, qua các giai đoạn, tăng trưởng năng suất ở nước ta như sau: 1991-1995: 3,05%, 1996-2000: 2,84%, 2001-2005: 2,91%, 2006-2010: 1,72% (Tổng cục Thống kê và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Như vậy, trong vòng 10 năm, tức là qua 2 giai đoạn

(1996-2000 và 2001-2005), chỉ số tăng trưởng có chiều hướng giảm gần một nửa. Bảng 1 cho biết giá xuất khẩu gạo của nước ta trong 3 năm 2011, 2012 và 2013.

Bảng 1: giá xuất khẩu gạo các năm 2011, 2012 và 2013 (đơn vị tính: USD/tấn)

Năm	2011	2012	2013
Gạo	514	461	410

So với một số quốc gia không phải xuất khẩu hàng đầu như Ấn Độ, Campuchia, Mỹ, giá gạo trắng, hạt dài, có chất lượng trung bình của chúng ta thấp hơn (bảng 2).

Bảng 2: giá xuất khẩu gạo đầu năm 2014

Tên quốc gia	Hàm lượng	Giá bán (USD/tấn)
Việt Nam	25% tấm	345-355
Ấn Độ	25% tấm	360-370
Campuchia	25% tấm	420-430
Mỹ	15% tấm	555-565

(số liệu ngày 13.3.2014 [2])

So với cả nước, dân số ĐBSCL chiếm 22%, diện tích đất trồng 12% (3,96 triệu ha), 9,3% trường đại học, cao đẳng (37/400 trường đại học, cao đẳng), 7,4% số tổ chức KH&CN về nông nghiệp (2/27), 16,9% số tổ chức KH&CN nói chung. Trong tương quan khu vực, ĐBSCL đóng góp cho cả nước 27% GDP; 50% sản lượng lương thực và 90% lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Bên cạnh đó, khu vực này chiếm 70% lượng trái cây, trên 60% sản lượng thủy sản của cả nước và chiếm 80% tổng giá trị xuất khẩu cả nước [3].

Về lúa gạo, chỉ riêng năm 2013, ĐBSCL đã sản xuất 24,8 triệu tấn. Bình quân mỗi năm tổng sản lượng lúa cả nước tăng khoảng 1 triệu tấn thì tính trong 10 năm qua (2003-2013) đã tăng thêm 10 triệu tấn, trong đó riêng ĐBSCL tăng thêm 7 triệu tấn [3]. Nhìn một cách tổng quan, những thành công trong sản xuất lúa gạo ở khu vực ĐBSCL đã góp phần giúp: an ninh lương thực quốc gia được đảm bảo, tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, tập trung;



CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu trên thế giới trong xuất khẩu lúa gạo; giúp xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho nông dân; trợ giúp nền kinh tế vượt qua các kỳ khủng hoảng khu vực và toàn cầu... Thành công trên là do sự đóng góp của các yếu tố như: sự đổi mới của các chính sách có liên quan; đầu tư hiệu quả, đặc biệt là về mặt thủy lợi; việc áp dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, nhất là giống mới, kỹ thuật canh tác cùng sự cần cù, chịu khó, sáng tạo của người nông dân.

Tuy nhiên, sản xuất lúa gạo tại ĐBSCL còn một số tồn tại, bất cập sau: phần lớn diện tích sản xuất lúa gạo chưa theo sát nhu cầu của thị trường; việc lựa chọn giống lúa của các hộ nông dân chủ yếu là tự phát nên khó có khả năng áp dụng quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn tiên tiến trên diện tích lớn. Sản xuất lúa gạo chủ yếu còn thiên về số lượng, hiệu quả sản xuất và năng suất lao động chưa cao, do đó, thu nhập từ sản phẩm lúa gạo của nông dân còn thấp. Năng lực cạnh tranh của cây lúa nói riêng, sản xuất lúa gạo nói chung ở mức thấp do chi phí cao và khâu vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được chú trọng, chất lượng lúa gạo còn thấp. Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân mà trước hết là về mặt nhận thức, thể hiện rõ nét nhất là ở chỗ nhiều quan điểm chiến lược ngành nông nghiệp đã đề ra nhưng chưa được hiện thực hóa. Điều này còn thể hiện ở việc đầu tư cho nông nghiệp quá thấp so với đóng góp của ngành (cụ thể, tỷ lệ đầu tư FDI cho nông nghiệp ngày càng giảm: năm 2008: 3%, 2009-2011: 1%, 2012: 0,6%) [4]. Tuy mức đầu tư của xã hội vào nông nghiệp

vẫn là thành phần kinh tế chủ lực trong nền sản xuất nông nghiệp; hàm lượng KH&CN trong một số nông sản còn thấp, hiệu quả chưa cao; lao động nông nghiệp ít được đào tạo, bồi dưỡng; hệ thống tổ chức của ngành còn bất cập, thiên về điều hành sản xuất mà bỏ ngỏ việc kiến tạo và phát triển thị trường, hệ thống thương vụ hoạt động chưa hiệu quả...

Thực tế cho thấy, việc áp dụng KH&CN trong sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL trong tình trạng vẫn còn nhiều khó khăn, trong đó yếu tố KH&CN chưa trở thành hạt nhân để tạo thành nền sản xuất nông sản, đặc biệt là sản phẩm lúa gạo một cách bền vững. Nguyên nhân là do:

Một là, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ở ĐBSCL vẫn còn rất yếu kém. Chúng ta có 10,5 triệu hộ nông nghiệp thì có tới 75 triệu thửa đất, sản xuất trong tình trạng phân tán, manh mún. Ở ĐBSCL, bình quân 1 lao động nông nghiệp chỉ có 0,27 ha và mỗi hộ chỉ có 1,4 ha (mặc dù ĐBSCL là khu vực cao nhất cả nước). So với các nước, Việt Nam vẫn là nước có bình quân diện tích đất trên đầu người thấp nhất, chỉ có 0,38 ha; trong khi tỷ lệ này của Trung Quốc là 0,71 ha, của Indonesia là 0,74 ha, của Thái Lan là 0,79 ha, Campuchia là 1,27 ha, Malaysia là 1,35 ha và của Lào là 3,62 ha.

Hai là, chưa kể những tổn thất về mặt chất lượng đem lại, tổn thất sau thu hoạch của lúa gạo tại vùng ĐBSCL hiện còn khá cao: khoảng 13,7%, gây thiệt hại tới 635 triệu USD/năm [5]. Toàn vùng chưa áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn chất

ngày càng tăng nhưng mô hình tổ chức sản xuất chậm đổi mới, kinh tế hộ gia đình quy mô nhỏ

lượng sản phẩm (như: VietGAP, GlobalGAP...), sức cạnh tranh sản phẩm cùng loại so với các nước khác trong khu vực vào hạng thấp.

Ba là, năm 2012, tổng số doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh toàn quốc vào khoảng 341.482, trong đó, vùng trung du và miền núi phía Bắc: 14.948; vùng Đồng bằng sông Hồng: 110.026; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ: 45.556; Tây Nguyên: 9.227; vùng Đông Nam Bộ: 132.971 và vùng ĐBSCL: 28.754. Cơ cấu doanh nghiệp được phân bố như sau: doanh nghiệp lớn (3%), doanh nghiệp vừa (2%), doanh nghiệp nhỏ (30%) và doanh nghiệp siêu nhỏ (65%). Tỷ lệ doanh nghiệp và doanh thu theo ngành kinh tế trong các lĩnh vực được phân bố: 1% số doanh nghiệp nông - lâm - thủy sản (chiếm 0,7% doanh thu) và 31,1% số doanh nghiệp công nghiệp - xây dựng (chiếm 44,3% doanh thu); 67,9% số doanh nghiệp dịch vụ (chiếm 55% doanh thu). Cơ cấu doanh nghiệp trong nông nghiệp năm 2000 là 8,1%, năm 2003: 5,4%, năm 2006: 2,5% và năm 2012: 1% [6]. Từ thực trạng này cho thấy chính sách khuyến khích doanh nghiệp hoạt động đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn chưa đủ mạnh, chưa thực sự hiệu quả, kết quả là chưa thu hút và khuyến khích được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực này.

Bốn là, chúng ta sử dụng quá nhiều đất đai cho sản xuất lúa gạo (80,2%), trong khi đất dùng cho sản xuất rau, quả còn ít. Xét trong tổng thể thị trường nhập khẩu của thế giới cho thấy, giá trị xuất khẩu của lúa gạo Việt Nam chiếm 22%; trong đó giá trị xuất khẩu rau quả và hoa chiếm 1% tổng số nhu cầu nhập khẩu rau, hoa, quả của thế giới (khoảng 130 tỷ USD) [7]. Thực tế này đặt ra cho chúng ta vấn đề cần xem xét trong quá trình nghiên cứu chính sách là ưu tiên cho sản

xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, không nên chỉ tập trung vào một mặt hàng lúa gạo như hiện nay.

Năm là, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020 (Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19.7.2012) đã tổ chức phân vùng phát triển theo thể mạnh của từng vùng, địa phương. Tuy nhiên, cho đến nay, hầu như chưa có một chính sách, tổ chức nào ở các địa phương, hoặc trung ương đề cập quy định hay thực hiện giám sát, tổ chức đầu tư phát triển theo các định hướng của quy hoạch. Nếu thực hiện theo quy hoạch, tức là phân công lại sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi tập trung phát triển sản phẩm đặc thù, chủ lực, phát triển cánh đồng lớn và do đó có thể áp dụng KH&CN để ổn định, nâng cao chất lượng...

Sáu là, hiện trên thị trường ĐBSCL có quá nhiều giống lúa và được sử dụng tùy tiện, dẫn đến hoạt động sản xuất lúa gạo nhỏ lẻ và khi sản phẩm gạo trên thị trường bị đẩy xuống thì giá cũng bị đẩy xuống theo. Điều này đã tạo ra nền sản xuất hàng hóa manh mún, thiếu quy hoạch, hiệu quả mang lại thấp so với nguồn vốn và công sức đầu tư đã bỏ ra.

Diễn hình thành công thông qua mô hình “cánh đồng lớn”

Diễn hình thành công trong liên kết nông dân ứng dụng KH&CN phát triển cánh đồng lớn, cơ cấu lại sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất, triển khai phương pháp sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gia tăng trên địa bàn ĐBSCL là Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật An Giang (AGPPS). Thành lập năm 1993, sau khi cổ phần hóa vào năm 2004, vốn nhà nước chỉ chiếm 26% song với sự nỗ lực hiệu quả, đến nay Công ty đã xây dựng được 5 nhà máy chế biến với mạng lưới

phân phối thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống, trong đó có 1 nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, 25 chi nhánh, 510 nhà phân phối cấp 1 cùng 5.000 nhà phân phối nhỏ lẻ. Về nhân lực, hiện Công ty có 1.017 kỹ sư “3 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với trên 6.000 nông dân tại 76/129 huyện, thị xã của 13 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL. Công ty đã bán ra 2.500 cổ phiếu cho 6.000 nông dân. Từ 2010, Công ty thực hiện “chuỗi sản xuất lúa gạo theo quy trình bền vững” thông qua mô hình “cánh đồng lớn”, xây dựng vùng nguyên liệu, ký hợp đồng tiêu thụ lúa tươi với bà con nông dân. Người nông dân được cung ứng giống lúa, thuốc trừ sâu, phân bón trong suốt vụ, bao bì được hỗ trợ miễn phí, vận chuyển, sấy và thu mua lúa theo giá thị trường. Người nông dân được hướng dẫn ghi chép Sổ nhật ký đồng ruộng để hạch toán chi phí sản xuất, đồng thời giúp quản lý truy xuất được nguồn gốc dễ dàng, nâng cao giá trị thương hiệu gạo khi đưa ra thị trường và giúp bà con chủ động bảo vệ quyền lợi của mình trong vai trò là nhà sản xuất (trường hợp thấy giá lúa chưa phù hợp, có thể gửi lúa tại kho của Công ty trong vòng 30 ngày - không tính phí lưu kho).

Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng 5 nhà máy gạo tại các huyện: Vĩnh Bình, Thoại Sơn (An Giang), Vĩnh Hưng (Long An), Tân Hồng (Đồng Tháp), Hồng Dân (Bạc Liêu). Theo kế hoạch, đến năm 2018, 12 nhà máy công suất 200.000 tấn/năm sẽ được hoàn thành trong tổng diện tích vùng nguyên liệu 360.000 ha, đạt doanh số 1 tỷ USD. Hạt nhân của mỗi liên kết trong chuỗi sản xuất này là Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp Định Thành đặt tại tỉnh An Giang với nhiệm vụ: kết hợp sức mạnh trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống với năng lực nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật cùng với mối quan hệ

chặt chẽ với nông dân để phát triển bền vững thông qua phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho bà con nông dân.

Một số đề xuất, kiến nghị

Từ thực trạng sản xuất của ĐBSCL và trường hợp thành công của AGPPS đã cho thấy, KH&CN giữ vai trò quan trọng và đã có mặt ở các khâu trong chuỗi giá trị hàng hóa mặt hàng lúa gạo, mang lại hiệu quả đáng khích lệ. Sắp tới, để thúc đẩy ứng dụng KH&CN vào phát triển bền vững và hiệu quả ngành lúa gạo, một số vấn đề sau cần được hết sức quan tâm:

Thứ nhất, từ mô hình AGPPS, khẳng định quyết tâm mạnh mẽ của Nhà nước hướng mạnh về nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn để tập trung xây dựng các chính sách liên quan. Trước hết, cần tập trung và tích tụ đất đai ổn định lâu dài, phù hợp với các mô hình sản xuất khác nhau của từng vùng, hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, tránh trường hợp một số văn bản chính sách không đồng bộ (ví dụ, mới đây, khi ban hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19.12.2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó có quy định được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở cho nông dân, nhà công vụ phục vụ cho dự án cánh đồng lớn hoặc nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư. Tuy nhiên, tại Điều 175 Luật Đất đai năm 2013 quy định, đối với đất được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất thì không có quyền thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn ngân hàng mà chỉ được thế chấp tài sản gắn liền với đất). Bên cạnh đó, việc quy hoạch đất đai nông nghiệp cần đảm bảo

đồng bộ với quy hoạch dịch vụ, tổ chức KH&CN, thương mại, công nghiệp chế biến... thành những cụm công - nông nghiệp. Sau đó, triển khai quy hoạch thống nhất để có thể giao đất cho nông dân từ 50 đến 70 năm và ở các vùng nông nghiệp ổn định nên trong thời gian dài hơn thế.

Thứ hai, thực sự quan tâm đến các chính sách đầu tư cho nông nghiệp và hỗ trợ nông dân sản xuất lúa gạo, trong đó đầu tư của doanh nghiệp trong nước cần được khuyến khích trên cơ sở phát triển chuỗi nông nghiệp hiện đại, gắn với nông dân, hình thành liên kết chuỗi giữa nông dân và doanh nghiệp, xây dựng quản trị bền vững toàn chuỗi về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, logistics, thương hiệu... Nghiên cứu áp dụng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp chế biến 100% nguyên liệu nông sản trong nước. Tập trung thể chế và chính sách vào nâng cấp chuỗi giá trị lúa gạo vùng chuyên canh với sự tham gia của nông dân và các chính sách hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến kinh doanh, xuất khẩu gạo. Mô hình “cánh đồng lớn” ở ĐBSCL muốn áp dụng hiện cần tháo gỡ các khó khăn ở khâu liên kết nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác), bổ sung điều kiện đối với doanh nghiệp xuất khẩu gạo là phải có sự liên kết với nông dân bằng hợp đồng nông sản. Cần có quy hoạch tổng thể ngành gạo với hai mục tiêu chính sách khác nhau nhưng bổ sung cho nhau, bao gồm sản xuất hàng hóa quy mô lớn và sản xuất quy mô nhỏ để tự tiêu thụ hoặc để bán trong cộng đồng địa phương. Cần tổ chức nghiên cứu văn bản thay thế hoặc bổ sung hợp đồng kinh tế bằng hợp đồng đầu tư giữa Chính phủ với các quốc gia chuyên nhập khẩu lúa gạo, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, gắn chặt nhà nhập khẩu với vùng sản xuất, rút ngắn khâu trung

gian, nâng cao giá bán cho người sản xuất. Cơ chế, chính sách nhằm tái cơ cấu về giá trị gia tăng toàn chuỗi theo hướng tăng phần trên lãnh thổ Việt Nam - phần của nông dân, phần do KH&CN, phần thương hiệu, nâng cao chất lượng, quản trị tốt... trong đó chú trọng nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong sản xuất lúa gạo thông qua tổ chức kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nhà nước đóng vai trò trọng tài, điều tiết vĩ mô thông qua hệ thống chính sách.

Thứ ba, các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cần tập trung thực hiện Luật KH&CN 2013 một cách nghiêm túc và hiệu quả, trong đó quan tâm đến: 1- Cơ chế đầu tư và tài chính để phát triển KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân tham gia có hiệu quả chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo, tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn và khuyến khích doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KH&CN; vận động, huy động các tổ chức KH&CN công lập trung ương và địa phương tham gia đáp ứng các nhu cầu KH&CN của doanh nghiệp; 2- Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN; chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ cho các tổ chức KH&CN. Cho phép các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo muốn ứng dụng KH&CN, nhất là công nghệ cao được ưu tiên vay vốn với lãi suất ưu đãi. Đối với những sản phẩm, thành quả KH&CN có khả năng ứng dụng rộng rãi trong quy trình sản xuất lúa gạo bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao, cần có chính sách ưu tiên đặc biệt để thúc đẩy phát triển sản xuất nhanh. Ví dụ, máy san đất bằng lazer (do tổ chức KH&CN trong nước chế tạo) rất thiết thực cho nông dân khi triển khai cánh đồng lớn, vì thế chúng ta có thể áp dụng chính sách như Chính phủ Ấn Độ thực hiện với nông dân là Nhà nước tài trợ 50% giá trị khi nông dân mua máy sản xuất nông nghiệp

do các tổ chức trong nước chế tạo; hay như Trung Quốc thực hiện tài trợ 30% cho nông dân khi mua máy nông nghiệp... Làm như vậy, vừa khuyến khích nông dân ứng dụng công nghệ cao, vừa khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức KH&CN có sản phẩm công nghệ cao có khả năng huy động vốn để đứng ra sản xuất ✍

Tài liệu tham khảo

- [1] Vương Đình Huệ (2014), Tạp chí Cộng sản: Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta hiện nay.
- [2] Nguyễn Văn Bộ (2014), Kỷ yếu hội thảo: Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng KH&CN vào nông nghiệp vùng ĐBSCL: Đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp.
- [3] Hồ Ngọc Luật (2013), Kỷ yếu hội thảo: Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống góp phần xây dựng nông thôn mới: Đóng góp của KH&CN phục vụ phát triển vùng ĐBSCL.
- [4] Hồ Ngọc Luật (2014), Kỷ yếu hội thảo: Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng KH&CN vào nông nghiệp vùng ĐBSCL: Chính sách khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng KH&CN vào nông nghiệp: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra.
- [5] Nguyễn Duy Đức, Kỷ yếu hội thảo: KH&CN với sự phát triển bền vững ĐBSCL: Một số đánh giá và đề xuất nhiệm vụ trọng tâm phát triển ngành cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch đến năm 2020 cho vùng ĐBSCL.
- [6] Ban chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương (1.2013): Kết quả chính thức Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012.
- [7] Nguyễn Quốc Vọng, Đại học RMIT, Melbourne Vic 3001, Australia, Kỷ yếu hội thảo: Kết nối cung - cầu: Giải pháp chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp Việt Nam tiến vào hội nhập (Thái Bình 8.2013).